TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/DS-ST
Ngày: 20-8-2020
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hạnh và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:* Ông Từ Quốc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20-8-2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương Tr; sinh năm 1975
Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Huy Th – sinh năm 1971.
Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020, có mặt)

-Bị đơn: Vợ chồng ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ.
Địa chỉ: Số Y, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Huy Th trình bày*:**

Vào ngày 13/5/2019 ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ có vay của bà Tr số tiền 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng),* khi vay hai bên tự thỏa thuận lãi suất, ông L, bà Đ hẹn đến 23/5/2019 sẽ trả số tiền trên.

Tiếp theo vào ngày 27/9/2019, ông Trần Thanh L có vay thêm của bà Tr số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời hạn trả sau 10 ngày tức là ngày 09/8/2019. Tổng cả hai khoản vay là 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng).* Đến nay đã quá thời hạn trả nợ, ông L, bà Đ vẫn không chịu trả số

nợ trên cho bà Tr mà đang có hành vi tẩu tán tài sản là nhà tại số X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk và rẫy cà phê tại xã EN, huyện E để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Bà Tr yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ gải quyết buộc ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ phải trả số nợ gốc là 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)* và số tiền lãi là 50.100.000 đồng *(Năm mươi triệu một trăm nghìn đồng)*. Tiền lãi tính từ ngày vay cho đến ngày 02/12/2019, với lãi suất 1,5%/tháng, cụ thể như sau:

Đối với số tiền 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)* vay ngày 13/5/2019 tính lãi suất 1,5%/tháng (từ ngày 13/5/2019 đến ngày 02/12/2019 là 06 tháng 19 ngày, thành tiền 37.800.000 đồng.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* vay ngày 29/7/2019 tính lãi suất 1,5%/tháng (từ ngày 29/7/2019 đến ngày 02/12/2019 là 04 tháng 03 ngày, thành tiền 12.300.000 đồng.

- Bị đơn ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải với ông L, bà Đ được.

Tại bản kết luận giám định số 58/PC09 ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ ký và chữ viết của ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ trong các tài liệu cần giám định so với các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi 1 phần yêu cầu khởi kiện buộc một mình ông L phải trả cho bà Tr số tiền 200.000.000đ vay ngày 29/7/2019 và lãi suất là 1,5%/tháng tính từ ngày vay 29/7/2019 đến ngày 20/8/2020.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt lần hai tại phiên toà đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên toà. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên: Buộc bị đơn ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương Tr tổng số tiền là 400.000.000 đồng, trong đó số nợ gốc là 400.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày vay, ngày 13/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/8/2020 theo quy định pháp luật.

Buộc bị đơn ông Trần Thanh L phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương Tr tổng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày vay 29/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/8/2020 lãi suất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp**:** Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và hậu quả pháp lý của việc vắng mặt bị đơn phải tự chịu theo quy định của pháp luật về quyền được pháp luật bảo vệ.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về số tiền nợ gốc và nghĩa vụ trả nợ:

[3.1.1] Về nội dung giấy vay tiền ngày 13/5/2019:

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 13/5/2019, ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ vay của bà Nguyễn Thị Phương Tr số tiền 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng),* thời gian vay từ 13/5/2019 đến ngày 23/5/2019 sẽ hoàn trả đầy đủ. Khi vay, hai bên có lập giấy vay tiền và có chữ ký xác nhận của ông L, bà Đ.

Tại bản kết luận giám định số 58/PC09 ngày 25/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: *"Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thanh L trong các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1, A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Thanh L trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1, M2, M3 là do cùng một người ký và viết ra.*

Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Đ dưới mục "Người vay"trong các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Đ trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1, M2, M3 là do cùng một người ký và viết ra".

Như vậy, theo giấy vay tiền ngày 13/5/2019 có chữ ký xác nhận của cả hai vợ chồng ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Đ. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Phương Tr yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương Tr khoản tiền vay là 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)* là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1.2] Về nội dung giấy vay tiền ngày 29/7/2019:

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 29/7/2019, ông Trần Thanh L vay của bà Tr số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*, hẹn 10 ngày trả (tức là ngày 09/8/2019 trả). Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền và có chữ ký xác nhận của một mình ông L. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Phương Tr yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Thanh L phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương Tr khoản tiền vay 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất:

[3.3] Về lãi suất: Xét mức lãi suất 1,5%/tháng đối với khoản tiền 400.000.000 đồng mà các bên đã thỏa thuận miệng với nhau, mặt khác bà Đ cũng đồng ý với mức lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp pháp luật, vì vậy tính từ ngày 13/5/2019 đến ngày 20/8/2020 là 15 tháng 07 ngày, cụ thể: 400.000.000 đồng x 1,5% /tháng x 15 tháng 7 ngày = 91.400.000 đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là 491.400.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy mượn tiền ngày 29/7/2019 ông L và bà Tr chỉ thể hiện nội dung vay tiền, không thể hiện lãi suất, ngoài lời trình bày của nguyên đơn xác định lãi suất thỏa thuận bằng miệng 1,5% thì không có tài liệu chứng cứ chứng minh có sự thỏa thuận về lãi giữa hai bên, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn, không có lãi; việc bà Nguyễn Thị Phương Tr yêu cầu tính lãi suất 1,5%/tháng đối với các khoản nợ gốc là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử xác định lại lãi suất mà ông L phải trả đối với số tiền vay chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả như sau: Số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* tính từ ngày 29/7/2019 đến ngày 20/8/2020 là 12 tháng 22 ngày, cụ thể: 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng 22 ngày = 21.137.333 đồng.

Buộc ông Trần Thanh L phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương Tr khoản tiền lãi là 21.137.333 đồng là phù hợp với khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tiền chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ và đã chi phí hết số tiền 5.040.000 đồng. Kết luận giám định khẳng định chữ viết, chữ ký trong các giấy vay tiền là của ông L, bà Đ, nên yêu cầu của bà Tr được chấp nhận, do đó ông L, bà Đ phải chịu tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000đồng, hoàn trả lại cho bà Tr số tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.040.000 đồng sau khi thu được của ông L, bà Đ là phù hợp với Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần nghĩa vụ của bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 357; Điều 463;khoản 1, khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương Tr.

2. Buộc bị đơn ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phương Tr tổng số tiền là nợ gốc và lãi là 491.400.000 đồng (trong đó nợ gốc 400.000.000đ và nợ lãi 91.400.000 đồng), lãi suất tính từ ngày vay 13/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/8/2020, với lãi suất 1,5%/tháng.

3. Buộc bị đơn ông Trần Thanh L phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương Tr tổng số tiền là 221.137.333 đồng (trong đó số nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 21.137.333 đồng) lãi suất tính từ ngày vay 29/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/8/2020, với lãi suất 0,83%/tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tiền chi phí giám định: Ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Phương Tr số tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.040.000 đồng sau khi thu được của ông L, bà Đ.

5. Về án phí:

Bị đơn ông Trần Thanh L phải chịu 11.056.866 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới chịu 23.656.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Phương Tr số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.367.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0004690 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND tx Buôn Hồ;*
- *Chi cục THADS tx Buôn Hồ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*